

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2022/DS-PT

Ngày: 16-12-2022

*“Yêu cầu bồi thường
thiệt hại về tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dần và ông Nguyễn Ngọc Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2022/TLPT-DS, ngày 02/11/2022, về việc *“Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DSST, ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 223/2022/QĐ-PT, ngày 09 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn A, sinh năm 1964; địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1958 và ông Bùi Văn C, sinh năm 1955 (chết năm 2021); địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C: Bà Phan Thị N, anh Bùi Văn Châu T, sinh năm 1984; chị Bùi Thị Thanh T1, chị Bùi Thị Thu T2, anh Bùi Văn Thanh T3, anh Bùi Ngọc T4, chị Bùi Thị Huyền T5; cùng địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; anh T và bà N có mặt; chị T1, chị T2, anh T3, anh T4, chị T5 vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1970; địa chỉ: Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

* *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn ông Lê Văn A trình bày:*

Gia đình ông A có thửa đất tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuộc thửa đất số 305, tờ bản đồ số 21, diện tích 485m² theo Giấy CNQSD đất số K 485563 do UBND huyện C cấp ngày 31/7/1997 mang tên ông Lê Văn A. Tháng 3/2011 gia đình ông A xây bờ rào bằng bê tông gạch đá giữa gia đình ông A và gia đình ông C để xác nhận bờ ranh giữa hai gia đình và có những người dân xung quanh biết và làm chứng. Đến năm 2019, ông C, bà N có làm đơn khởi kiện về việc buộc ông A trả lại 700m² đất lấn chiếm, phải tháo dỡ toàn bộ căn nhà ván diện tích 68m², tường xây dựng trên đất của ông C, bà N và yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất số K 485563, ngày 31/7/1997 mang tên ông Lê Văn A. Sau đó, Tòa án nhân dân thành phố B và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã giải quyết vụ án nói trên tuyên xử bác đơn khởi kiện của ông C, bà N. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vào thời điểm tháng 11/2019 vợ chồng ông C có hành vi đập phá hàng rào cao 2m, dài 29,4m của gia đình ông A. Do đó, ông A đã yêu cầu vợ chồng ông C dừng ngay hành vi đập phá hàng rào nhà ông A nhưng vợ chồng ông C vẫn coi thường pháp luật, cố tình đập bỏ hoàn toàn hàng rào của gia đình ông A. Nay ông A đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết buộc ông Bùi Văn C, bà Phan Thị N phải bồi thường thiệt hại 30.000.000 đồng vì đã có hành vi đập phá hàng rào cao 2m, dài 29.4m của gia đình ông A.

* *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C là bà Phan Thị N trình bày:*

Ông Lê Văn A đã khởi kiện bồi thường hàng rào xây trên đất của bà N, bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A vì xác minh của Toà án nhân dân thành phố B của thẩm phán Nguyễn Văn K và cán bộ thư ký Nguyễn Thị Hải J vào ngày 22/02/2012 đã xác nhận ông A có bia mà không có đất. Diện tích đất là 123m² là của ông Bùi Văn C mua của ông Nguyễn Văn R, có lời chứng của con ông R là bà Nguyễn Thị Thu H. Đối với 02 bản án sơ thẩm và phúc thẩm về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình tôi và ông Lê Văn A thì bà N không đồng ý với 02 bản án này và bà N đã có đơn đến Tòa án cấp cao Đà Nẵng và Viện kiểm sát cấp cao đang chờ xem xét. Về yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại của ông Lê Văn A hiện nay chồng bà N là ông Bùi Văn C chết ngày 09/12/2021. Khi chết không có di chúc, bà N và ông C có 06 con chung bao gồm: anh Bùi Văn Châu T, chị Bùi Thị Thanh T1, chị Bùi Thị Thu T2, anh Bùi Văn Thanh T3, anh Bùi Ngọc T4, chị Bùi

Thị Huyền T5. Hiện các cháu đã đến tuổi trưởng thành. Liên quan đến việc bồi thường số tiền 30.000.000 đồng tường rào của ông A, số tiền không lớn, hiện nay bà N đang khiếu nại bản án sơ thẩm và phúc thẩm lên Tòa án Tối Cao, nếu gia đình bà N mà sai thì khoản tiền yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng bà N là người chịu trách nhiệm bồi thường các con bà N không phải chịu trách nhiệm. Nếu ông A kiện sai thì phải chịu trách nhiệm bồi thường lại cho bà N.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:* bà L đồng ý với ý kiến của ông A và không trình bày gì thêm.

** Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bùi Văn Châu là anh Bùi Văn Châu T, chị Bùi Thị Thanh T1, chị Bùi Thị Thu T2, anh Bùi Văn Thanh T3, anh Bùi Ngọc T4, chị Bùi Thị Huyền T5:* Có đơn trình bày không đồng ý với yêu cầu đòi bồi thường của ông A.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DSST, ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện ông Lê Văn A. Buộc bà Phan Thị N bồi thường cho ông Lê Văn A số tiền 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị N với nội dung: Bà N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng gia đình bà không đập bức tường của ông Lê Văn A và án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các bản án đã có hiệu lực pháp luật thì không có căn cứ để xác định ông A có hành vi lấn chiếm đất của ông C và bà N. Vì vậy, cần xác định việc gia đình bà N đã đập phá hàng rào cao 2m, dài 29,4m của ông A là không đúng quy định pháp luật. Nên cần buộc bà N và các con của ông C, bà N là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tài sản 30.000.000đ cho ông A. Tuy nhiên, bà N tự nguyện bồi thường thay phần các con và các con của bà cũng đồng ý với ý kiến của bà N. Do đó cần buộc bà N phải bồi thường cho ông A số tiền 30.000.000đ là đúng quy định pháp luật. Nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà N. Bởi các lẽ trên, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phan Thị N - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DS-ST, ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị N nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị N:

[2.1] Xét kháng cáo về việc án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng:

Bà N trình bày bà không nhận được Giấy triệu tập của tòa án đến phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXXST-DS vào ngày 02/8/2022 và niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2022/QĐST-DS vào ngày 19/8/2022 cho bà Phan Thị N, anh Bùi Văn Châu T, chị Bùi Thị Thanh T1, chị Bùi Thị Thu T2, anh Bùi Văn Thanh T3, anh Bùi Ngọc T4, chị Bùi Thị Huyền T5 đúng theo quy định pháp luật. Tại Biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt của Văn phòng thừa phát lại Đắk Lắk, lý do không tổng đạt được là vì các đương sự trên từ chối nhận các văn bản của tòa án.

Bên cạnh đó, bà N cho rằng bà không tham dự phiên tòa nhưng trong bản án sơ thẩm có phần trình bày của bà là không đúng. Nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà N đã có bản tự khai, có tham gia phiên hòa giải ngày 17/5/2021, có đơn trình bày gửi tòa án nên Tòa án ghi nhận trong bản án ý kiến của bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án là có cơ sở.

[2.2] Xét kháng cáo về việc bà N cho rằng gia đình bà không đập đổ bức tường của ông A:

Quá trình sử dụng đất tháng 3/2011 gia đình ông A xây bờ rào bằng bê tông gạch đá làm ranh giới đất giữa gia đình ông A và gia đình ông C, bà N. Đến năm 2019, ông C, bà N có làm đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất yêu cầu ông A phải trả lại 700m² đất lấn chiếm, phải tháo dỡ toàn bộ căn nhà ván diện tích 68m², tường rào xây dựng trên đất của ông C, bà N và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 485563, ngày 31/7/1997 đã cấp mang tên ông Lê Văn A. Ông A trình bày trong quá trình giải quyết vụ án về tranh chấp quyền sử dụng đất, vợ chồng ông C, bà N có hành vi đập phá hàng rào cao 2m, dài 29,4m của gia đình ông A nên ông A khởi kiện yêu cầu gia đình bà N phải bồi thường giá trị giá trị bức tường rào theo quy định pháp luật. Nay bà N kháng cáo cho rằng gia đình bà không đập phá hàng rào trên của ông A.

Tại Bản án số 170/2020/DSPT, ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, người đại diện của ông Bùi Văn C và bà Phan Thị N xác nhận rằng: “Năm 2019 ông C, bà N phá dỡ bức tường chắn mà trước đây ông A đã xây trên đất nên ông C đã làm đơn đến Công an xã H để giải quyết, lúc này ông C, bà N mới biết ông A đã được cấp GCNQSD đất trên phần đất của ông C, bà N với diện tích 485m² nhưng diện tích thực chiếm là hơn 700m²”. Như vậy, có căn cứ xác định có việc ông C, bà N đã phá dỡ bức tường chắn mà ông A đã xây.

Theo các bản án đã có hiệu lực pháp luật (Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DSST, ngày 10/7/2020 của Toà án nhân dân thành phố B; Bản án số 170/2020/DSPT, ngày 22/9/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk) và Thông báo số 120/TB-VKS-DS, ngày 24/2/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng đã xác định ông A không xây tường lấn chiếm trên đất của hộ bà N, ông C. Ông A xây dựng tường rào trên đất của mình làm ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai nhà là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại Biên bản hòa giải ngày 17/5/2021 ở cấp sơ thẩm (BL77), bà Phan Thị N đã có ý kiến như sau: “...tôi xác định tường rào xây là do vợ chồng ông Lê Văn A xây dựng có chiều dài là 29,4m và chiều cao là 2m trên đất nhà tôi nên tôi mới đập phá tường rào này.”; và tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/4/2022 (BL98), bà Phan Thị N đồng ý hoàn trả số tiền bồi thường cho ông A nếu gia đình bà sai, và các con của bà không phải bồi thường.

Do đó, án sơ thẩm tuyên buộc bà Phan Thị N bồi thường cho ông Lê Văn A giá trị của bức tường là số tiền 30.000.000 đồng, là có căn cứ. Bản án sơ thẩm không tuyên yêu cầu thi hành án là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Từ những lập luận trên, HĐXX nhận thấy kháng cáo của bà N là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bà Phan Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định (do kháng cáo không được chấp nhận); tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bà N có đơn xin miễn án phí vì bà là người cao tuổi; do đó, bà N được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị N – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2022/DSST, ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận đơn khởi kiện ông Lê Văn A. Buộc bà Phan Thị N bồi thường cho ông Lê Văn A số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Văn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2019/0013042, ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bà Phan Thị N phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Hoàn trả cho ông Lê Văn A số tiền 2.000.000 đồng sau khi thu được của bà Phan Thị N.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Thuận